



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIETNAMNET

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2013
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2013**



Thành viên hãng AGN International / Member Firm of AGN International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIETNAMNET

Tầng 4, Tòa nhà Kinh Đô, Số 292 Tây Sơn, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 06 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Ủy viên
Ông Nguyễn Gia Long	Ủy viên
Bà Chu Thị Minh Nguyệt	Ủy viên
Bà Trần Thị Hương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Khắc Hùng	Giám đốc
--------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Khắc Hùng
Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3410/2013/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 08 năm 2013, từ trang 5 đến trang 25.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty chưa thực hiện ghi tăng nguyên giá của Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Tổ 5, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội và tại Thửa đất số 89, Tờ bản đồ số 28, Thôn Ngọc Chi, Xã Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội với số tiền là 5,5 tỷ đồng mà đang theo dõi trên Tài khoản Trả trước cho người bán. Theo đó, khoản mục Bất động sản đầu tư bị ghi thấp hơn thực tế và khoản mục Trả trước cho người bán bị phản ánh cao hơn thực tế với số tiền tương ứng.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất 30 tháng 6 năm 2013, Công ty chưa thực hiện phân bổ chi phí trả trước dài hạn tại Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường. Theo ước tính của Kiểm toán viên, số chi phí trả trước dài hạn cần phân bổ vào chi phí trong kỳ là 486.146.960 đồng. Theo đó, khoản mục Chi phí trả trước dài hạn bị ghi thừa và khoản mục Chi phí quản lý doanh nghiệp cùng với khoản mục Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế bị ghi thiếu với số tiền tương ứng.

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kết quả công tác soát xét này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ các Thư xác nhận công nợ Phải thu khác, Phải trả người bán và Trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty. Tỷ lệ công nợ được xác nhận của khoản mục Phải thu khác, Phải trả người bán và Trả trước cho người bán lần lượt là 20%, 0% và 32%. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục thay thế, tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để đưa ra nhận xét về các khoản mục công nợ Phải thu khác, Phải trả người bán và Trả trước cho người bán được trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013.



BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT (TIẾP THEO)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
GCNĐKHNKT số 0748-2013-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Nam Cường
Kiểm toán viên
GCNĐKHNKT số 1950-2013-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01 - DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.959.708.073	49.124.671.117
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	34.733.755.416	37.897.800.982
1. Tiền	111		768.547.416	2.144.165.205
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.965.208.000	35.753.635.777
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.877.774.600	1.274.408.200
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.985.655.600	6.315.783.600
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(5.107.881.000)	(5.041.375.400)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.748.717.263	5.551.637.370
1. Phải thu khách hàng	131		66.000.000	-
2. Trả trước cho người bán	132		7.496.748.000	8.603.280.000
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	6.866.043.163	3.905.036.570
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.680.073.900)	(6.956.679.200)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.599.460.794	4.400.824.565
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		133.314.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		675.069.529	562.900.400
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		39.411.765	39.411.765
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		751.665.500	3.798.512.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.798.557.818	25.451.752.231
I. Tài sản cố định	220		9.037.829.777	8.468.745.599
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	3.824.796.942	4.005.876.400
- Nguyên giá	222		4.553.244.594	4.692.740.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(728.447.652)	(686.864.298)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	5.213.032.835	4.462.869.199
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14.100.000.000	14.100.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.6	14.100.000.000	14.100.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		736.978.041	831.006.632
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	736.978.041	579.378.632
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	251.628.000
IV. Lợi thế thương mại	269	V.8	1.923.750.000	2.052.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		72.758.265.891	74.576.423.348

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01 - DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.727.652.821	7.794.825.565
I. Nợ ngắn hạn	310		6.727.652.821	7.794.825.565
1. Phải trả người bán	312		578.180.000	300.000.000
2. Người mua trả tiền trước	313		5.131.200.000	5.100.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	33.190.641	18.377.750
4. Phải trả người lao động	315		165.895.533	114.063.690
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	723.389.502	2.159.586.980
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		95.797.145	102.797.145
B. NGUỒN VỐN	400		65.819.608.382	66.563.380.264
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	65.819.608.382	66.563.380.264
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.266.980.000	57.266.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.951.500.000	8.951.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		376.008.914	336.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		488.656.419	488.656.419
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.263.536.951)	(479.756.155)
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		211.004.688	218.217.519
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		72.758.265.891	74.576.423.348




Trần Khắc Hùng
 Giám đốc
 Ngày 28 tháng 8 năm 2013


Đinh Thị Thùy Minh
 Kế toán trưởng


Đinh Thị Thùy Minh
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU B 02 - DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	1.690.525.163	2.487.000.716
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	93.884.438	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.187.500	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.338.538.710	1.737.518.919
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(741.897.985)	749.481.797
11. Thu nhập khác	31	VI.3	116.727.272	69.967.781
12. Chi phí khác	32		125.814.000	-
13. Lợi nhuận khác	40		(9.086.728)	69.967.781
14. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(750.984.713)	819.449.578
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	206.366.645
17. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(750.984.713)	613.082.933
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(7.212.831)	(601.700)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		(743.771.882)	613.684.633
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	(130)	107



Trần Khắc Hùng
 Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2013

Đinh Thị Thùy Minh
 Kế toán trưởng

Đinh Thị Thùy Minh
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Phương pháp trực tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 06 năm 2013

MẪU B 03 - DN/HN
 Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(2.752.161.129)	(810.246.833)
2. Tiền chi trả cho người lao động	3	(570.477.221)	(621.860.877)
3. Tiền chi trả lãi vay	4	(6.187.500)	-
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	3.153.575.934	6.531.425.000
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(520.777.316)	(809.365.297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(696.027.232)	4.289.951.993
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(1.576.000.000)	(15.798.182)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(163.504.208.000)	(82.976.700.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	162.629.892.681	83.935.109.002
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.577.696.985	1.528.591.714
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(872.618.334)	2.471.202.534
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.500.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.500.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.595.400.000)	(125.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.595.400.000)	(125.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.164.045.566)	6.635.654.527
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37.897.800.982	36.501.197.950
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	34.733.755.416	43.136.852.477



Trần Khắc Hùng
 Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2013

Đinh Thị Thùy Minh
 Kế toán trưởng

Đinh Thị Thùy Minh
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0102210969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2007. Mã số doanh nghiệp trên thay cho mã số doanh nghiệp số 0103016723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 04 năm 2007.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 12 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 57.266.980.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất đồ điện dân dụng; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh máy móc, thiết bị trong ngành truyền thông, viễn thông và công nghệ thông tin; Sản xuất các chương trình điện ảnh, sân khấu, ca nhạc, phim quảng cáo (không bao gồm sản xuất phim);
- Thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật, khu đô thị, các đường dây tải điện, trạm biến áp 0,4 KV đến 35 KV, các công trình bưu điện bưu chính viễn thông;
- Đại lý phát hành xuất bản phẩm; Dịch vụ truyền thông; Dịch vụ đào tạo công nghệ thông tin (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sản xuất, mua bán tổ chức các chương trình phát thanh, truyền hình biểu diễn nghệ thuật sân khấu (trừ các chương trình Nhà nước cấm);
- Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ giá trị gia tăng trị giá trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam; Dịch vụ vui chơi giải trí trên truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng (trừ loại hình vui chơi giải trí nhà nước cấm);
- Dịch vụ lưu trữ thông tin, khai thác dữ liệu, cung cấp dữ liệu, xử lý dữ liệu (trừ thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra); Dịch vụ nghiên cứu thị trường; Dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện, hoạt động quan hệ công chúng; Sản xuất, sửa chữa và các dịch vụ tư vấn phần cứng máy tính; Sản xuất, sửa chữa và các dịch vụ tư vấn về phần mềm máy tính;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống, giải khát; kinh doanh khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Lễ hành nội địa, lễ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Sản xuất và kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết, đồ uống nước có ga và không có ga, rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar); Sản xuất và kinh doanh điện;
- Xây dựng nhà máy thủy điện, nhà máy nước;
- Quản lý và tổ chức thực hiện các dự án xây dựng công trình gồm: các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật, đường dây tải điện, trạm biến áp từ 0,4KV đến 35KV và các công trình xây dựng khác;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, thuế, tài nguyên, kiểm toán);
- Lập dự án, thẩm tra dự án, lập hồ sơ mời thầu, thẩm tra hồ sơ mời thầu, tư vấn thầu các bước thuộc dự án đầu tư xây dựng (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá trị hợp đồng trong xây dựng);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng các công trình dân dụng, Công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, cầu, cảng, sân bay, nhà xưởng, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vui chơi giải trí, văn hóa thể thao, khu du lịch sinh thái;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo qui định của pháp luật).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các Tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con, giữa các công ty con của Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 2 công ty con là Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường và Công ty Cổ phần Đồng Ga. Trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty Cổ phần Đồng Ga chưa đi vào hoạt động, chưa có nghiệp vụ kinh tế nào phát sinh. Chi tiết thông tin về Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường như sau:

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường
Địa chỉ	: Km 11, đường Nguyễn Văn Linh, Phường Thạch Bàn, Hà Nội
Hoạt động chính	: Là công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế, xây lắp
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2013:	5.265.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	: 90%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	: 90%

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán. Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng làm việc và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	146.645.237	968.932.755
Tiền gửi ngân hàng	621.902.179	1.175.232.450
Các khoản tương đương tiền (*)	33.965.208.000	35.753.635.777
Cộng	34.733.755.416	37.897.800.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền (Tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Láng Hạ	-	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Hà Nội	-	4.370.200.000
Ngân hàng TMCP Đại Tín - CN Hà Nội	25.015.000.000	21.003.435.777
Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu - CN Thanh Xuân	8.545.208.000	8.380.000.000
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thanh Xuân	405.000.000	-
Tổng	33.965.208.000	35.753.635.777

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phần	VND	Cổ phần	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		5.938.655.600		6.315.783.600
Nam	63.067	3.784.029.600	63.067	3.784.029.600
Công ty CP NTACO	14.112	376.320.000	14.112	376.320.000
Công ty CP Tài nguyên	110.850	1.356.268.000	110.850	1.356.268.000
Công ty CP Bóng đèn Điện Quang	-	-	15.000	277.831.000
Công ty CP Thép Việt Ý	5.000	99.297.000	10.000	198.594.000
Công ty CP Vận tải biển và BĐS Việt Hải	20.000	247.741.000	20.000	247.741.000
Công ty CP Sara Việt Nam	7.500	75.000.000	7.500	75.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		3.047.000.000		-
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam		2.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Sarawindow		1.047.000.000		-
Cộng đầu tư ngắn hạn		8.985.655.600		6.315.783.600
Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn		(5.107.881.000)		(5.041.375.400)
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		(3.304.720.400)		(3.254.266.800)
Công ty CP NTACO		(317.049.600)		(317.049.600)
Công ty CP Tài nguyên		(1.167.823.000)		(1.079.143.000)
Công ty CP Bóng đèn Điện Quang		-		(1.831.000)
Công ty CP Thép Việt Ý		(37.297.000)		(115.594.000)
Công ty CP Vận tải biển và BĐS Việt Hải		(221.741.000)		(221.741.000)
Công ty CP Sara Việt Nam		(59.250.000)		(51.750.000)
Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.877.774.600		1.274.408.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Ông Phan Thế Hải	2.736.000.000	2.736.000.000
Ông Bùi Trọng Phú	500.000.000	500.000.000
Ông Trần Tố	1.200.000.000	-
Bà Nguyễn Việt Hà	524.144.900	-
Các khoản phải thu khác	1.905.898.263	669.036.570
Cộng	6.866.043.163	3.905.036.570

4. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2013	241.542.727	72.727.273	4.084.437.818	294.032.880	4.692.740.698
Mua trong kỳ	-	-	76.000.000	-	76.000.000
Giảm khác	-	-	-	(215.496.104)	(215.496.104)
Tại 30/06/2013	241.542.727	72.727.273	4.160.437.818	78.536.776	4.553.244.594
KHẤU HAO					
Tại 01/01/2013	67.368.098	17.542.088	345.205.906	256.748.206	686.864.298
Khấu hao trong kỳ	7.104.197	7.045.559	211.742.880	31.186.822	257.079.458
Giảm khác	-	-	-	(215.496.104)	(215.496.104)
Tại 30/06/2013	74.472.295	24.587.647	556.948.786	72.438.924	728.447.652
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	174.174.629	55.185.185	3.739.231.912	37.284.674	4.005.876.400
Tại 30/06/2013	167.070.432	48.139.626	3.603.489.032	6.097.852	3.824.796.942

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Dự án Hải Dương	1.800.000	1.800.000
Dự án Hà Nam	1.739.389.448	1.739.389.448
Dự án Đồng Ga Long Biên	3.471.843.387	2.721.679.751
Cộng	5.213.032.835	4.462.869.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Góp vốn đầu tư dự án Đèn Lừ	500.000.000	500.000.000
Góp vốn đầu tư dự án Mê Linh	1.000.000.000	1.000.000.000
Cho công ty Cổ phần Tài nguyên vay vốn	12.600.000.000	12.600.000.000
Cộng	14.100.000.000	14.100.000.000

7. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	736.978.041	579.378.632
Cộng	736.978.041	579.378.632

8. Lợi thế thương mại

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	2.565.000.000
Tại ngày 30/06/2013	2.565.000.000
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	513.000.000
Phân bổ trong kỳ	128.250.000
Tại ngày 30/06/2013	641.250.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2013	2.052.000.000
Tại ngày 30/06/2013	1.923.750.000

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	33.190.641	18.377.750
Cộng	33.190.641	18.377.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) **MẪU B 09 - DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	18.834.245	3.131.723
Bảo hiểm xã hội	1.500.000	-
Các khoản phải trả khác	703.055.257	2.156.455.257
- Cổ tức phải trả	496.609.400	2.092.009.400
- Các khoản phải trả khác	206.445.857	64.445.857
Cộng	723.389.502	2.159.586.980

C.T.
HAN
VÀ
INH
HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	57.266.980.000	8.951.500.000	-	388.656.419	1.983.303.276	68.590.439.695
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(221.906.386)	(221.906.386)
Phân phối quỹ	-	-	336.000.000	100.000.000	(523.143.645)	(87.143.645)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(1.718.009.400)	(1.718.009.400)
Số dư tại 01/01/2013	57.266.980.000	8.951.500.000	336.000.000	488.656.419	(479.756.155)	66.563.380.264
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(743.771.882)	(743.771.882)
Phân phối quỹ (*)	-	-	40.008.914	-	(40.008.914)	-
Số dư tại 30/06/2013	57.266.980.000	8.951.500.000	376.008.914	488.656.419	(1.263.536.951)	65.819.608.382

(*) Trong kỳ, Công ty trích Quỹ Đầu tư phát triển theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.726.698	5.726.698
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	5.726.698	5.726.698
Cổ phần phổ thông	5.726.698	5.726.698
Số lượng cổ phần mua lại	-	-
Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.726.698	5.726.698
Cổ phần phổ thông	5.726.698	5.726.698
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần		

12. Báo cáo bộ phận

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty không phát sinh hoạt động kinh doanh chính. Lợi nhuận kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là lợi nhuận từ hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư và hoạt động khác. Đồng thời, hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư và hoạt động khác chỉ diễn ra tại Hà Nội. Vì vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho kỳ hoạt động này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
	đến 30/06/2013	đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.690.525.163	2.487.000.716
Cộng	1.690.525.163	2.487.000.716

2. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
	đến 30/06/2013	đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.187.500	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	66.505.600	-
Chi phí tài chính khác	21.191.338	-
Cộng	93.884.438	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thu nhập khác	116.727.272	69.967.781
Cộng	116.727.272	69.967.781

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(743.771.882)	613.684.633
nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(743.771.882)	613.684.633
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.726.698	5.726.698
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(130)	107
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	34.733.755.416	37.897.800.982
Phải thu khách hàng và phải thu khác	871.449.263	549.036.570
Đầu tư ngắn hạn	3.877.774.600	1.274.408.200
Đầu tư dài hạn	14.100.000.000	14.100.000.000
Cộng	53.582.979.279	53.821.245.752
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.301.569.502	2.459.586.980
Cộng	1.301.569.502	2.459.586.980

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

177
CÔNG
NHIỆM
1 TO
N TÀ
IỐC
MAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Tại 30/06/2013	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	1.301.569.502	-	1.301.569.502
Cộng	1.301.569.502	-	1.301.569.502
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Tại 01/01/2013	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	2.459.586.980	-	2.459.586.980
Cộng	2.459.586.980	-	2.459.586.980

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2013			
Tiền	34.733.755.416	-	34.733.755.416
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.682.717.263	-	6.682.717.263
Đầu tư ngắn hạn	3.877.774.600	-	3.877.774.600
Đầu tư dài hạn	-	14.100.000.000	14.100.000.000
Cộng	45.294.247.279	14.100.000.000	59.394.247.279
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2013			
Tiền	37.897.800.982	-	37.897.800.982
Phải thu khách hàng và phải thu khác	549.036.570	-	549.036.570
Đầu tư ngắn hạn	1.274.408.200	-	1.274.408.200
Đầu tư dài hạn	-	14.100.000.000	14.100.000.000
Cộng	39.721.245.752	14.100.000.000	53.821.245.752

2. Thông tin về các bên liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	186.750.000	105.750.000
Cộng	186.750.000	105.750.000

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN


Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)


4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu tương ứng trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 chưa được soát xét.




Trần Khắc Hùng
Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2013


Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng


Đinh Thị Thùy Minh
Người lập